

UBND TỈNH LÂM ĐỒNG
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP DI LINH

Biểu số 02.C

TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2015

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

Nội dung	Cùng kỳ năm 2013	Cùng kỳ năm 2014	Thực hiện năm 2015		Biến động so với (tỷ lệ %)		
			Kế hoạch năm 2015	Thực hiện năm 2015	Cùng kỳ năm 2013	Cùng kỳ năm 2015	Kế hoạch năm
A. Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh	[1]	[2]	[3]	[4]	[5]=[4]/[1]	[6]=[4]/[2]	[7]=[4]/[3]
1. Sản lượng sản xuất SP chủ yếu	10.284,155	11.289,714	11.854,200	14.392,415	140%	127%	121%
2. Sản lượng tiêu thụ SP chủ yếu	9.733,438	11.756,058	12.343,861	14.278,709	147%	121%	116%
3. Tồn kho cuối kỳ	550,717	84,373	88,592	198,079	-	235%	224%
B. Chỉ tiêu tài chính							
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	41.160.999,067	35.248.258,364	33.300.000,000	38.088.423,523	93%	108%	114%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-	-	-	-	-
3. DT thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	41.160.999,067	35.248.258,364	33.300.000,000	38.088.423,523	93%	108%	114%
4. Giá vốn hàng bán	25.122.522,843	22.603,981,848	20.000.000,000	22.929,727,422	91%	101%	115%
5. LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	16.038,476,224	12.644,276,516	13.300.000,000	15.158,696,101	95%	120%	114%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	1.065,772,404	828,898,336	700.000,000	597,376,054	56%	72%	85%
7. Chi phí tài chính	-	-	-	-	-	-	-
8. Chi phí bán hàng	152.142,909	178,498,988	160.000,000	42.292,000	28%	24%	26%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.325,952,636	2.359,569,709	2.840.000,000	3.066,716,586	132%	130%	108%

10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	14.626.153.083	10.935.106.155	11.000.000.000	12.647.063.569	86%	116%	115%
11. Thu nhập khác	149.327.814	240.090.107	-	10.000	0%	0%	-
12. Chi phí khác	2.063.718.344	156.750.244	-	48.032.294	2%	31%	-
13. Lợi nhuận khác	-1.914.390.530	83.339.863	-	-48.022.294	3%	-58%	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	12.711.762.553	11.018.446.018	11.000.000.000	12.599.041.275	99%	114%	115%
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.681.594.039	2.188.615.193	2.420.000.000	2.623.838.980	71%	120%	108%
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-	-	-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	9.030.168.514	8.829.830.825	8.580.000.000	9.975.202.295	110%	113%	116%

GHI CHÚ: Cột (1), (2) : Theo Báo cáo tài chính các năm trước liền kề năm Báo cáo.

Người lập biểu



Giám đốc



Phạm Đình Quang

UBND TỈNH LÂM ĐỒNG
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP DI LINH

Biểu số 02.D

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG ÍCH

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

Chỉ tiêu	Kế hoạch (ha)	Thực hiện (ha)	Tỷ lệ so với KH (%)	Tỷ lệ so với cùng kỳ năm trước (%)
1. Khối lượng, sản lượng sản phẩm dịch vụ công ích thực hiện trong năm? Trong đó				
- Diện tích QLVR (Ngân sách tỉnh)	7.832,070	7.820,033	100%	100%
- Diện tích QLVR (Chi trả DVMTR)	8.746,830	8.644,540	99%	99%
2. Khối lượng, sản lượng sản phẩm, dịch vụ công ích bị lỗi, không đạt yêu cầu?	-	-	-	-
3. Số lượng ý kiến phản hồi về chất lượng sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp không đạt yêu cầu?	-	-	-	-
4. Chi phí phát sinh liên quan đến các sản phẩm, dịch vụ công ích thực hiện trong năm	-	-	-	-
5. Doanh thu thực hiện các sản phẩm, dịch vụ công ích trong năm				-

Người lập biểu



Giám đốc



Phạm Đình Quang

UBND TỈNH LÂM ĐỒNG
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP DI LINH

Biểu số 02.Đ

A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2015

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	Số còn phải nộp năm trước chuyển sang	Số phát sinh phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số còn phải nộp chuyển sang năm sau
1. Thuế				
- Thuế GTGT	(837.483.204)	3.593.442.601	2.324.672.902	431.286.495
- Thuế TNDN	(897.340.059)	2.623.838.980	1.300.000.000	426.498.921
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	-	-
- Thuế đất, tiền thuê đất		231.545.437	231.545.437	-
- Thuế sử dụng đất nông nghiệp	(65.434.874)	605.904.588	411.201.400	129.268.314
2. Các khoản phải nộp khác				
- Phí, lệ phí	-	-	-	-
- Các khoản phải nộp khác	12.250.098	13.726.605	5.540.000	20.436.703
3. Nộp ngân sách nhà nước (Quỹ hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp) phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp theo quy định	121.099.009	-	-	121.099.009

B. TÌNH HÌNH TRÍCH LẬP VÀ SỬ DỤNG CÁC QUỸ NĂM 2015

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Dư đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Dư cuối năm
1. Quỹ đầu tư và phát triển	3.760.716.940	1.096.001.571		4.856.718.511
2. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.838.069.929	2.362.037.000	2.440.974.458	2.759.132.471
3. Quỹ thưởng viên chức QLDN	214.000.000	195.300.000	173.333.000	235.967.000
4. Quỹ hỗ trợ và sắp xếp doanh nghiệp	121.099.009	-	-	121.099.009
5. Quỹ đặc thù khác quỹ tái tạo rừng trồng	13.530.836.518	6.162.747.055	1.876.608.454	17.816.975.119

Lập biểu



Giám đốc



Phạm Đình Quang

UBND TỈNH LÂM ĐỒNG
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP DI LINH

Biểu số 03

BÁO CÁO KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÀI CHÍNH

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

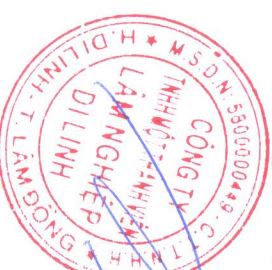
Năm : 2015

ĐVT: đồng

TT	Tên doanh nghiệp thành viên	Doanh thu	Lợi nhuận thực hiện	Nợ ngân sách	Có dấu hiệu mất an toàn về tài chính	Ghi chú
1	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Di Linh	38.088.423.523	12.599.131.275	7.287.226.395	Cảnh báo	

Ngày tháng năm

Cơ quan đại diện chủ sở hữu



GIÁM ĐỐC

Phạm Đình Quang

UBND TỈNH LÂM ĐỒNG
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP DI LINH

Biểu số 05.A

ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ XẾP LOẠI DOANH NGHIỆP NĂM 2015
(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2013/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP DI LINH

Loại hình DN: Doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ

Chỉ tiêu 1(tr.đồng)			Chỉ tiêu 2										Chỉ tiêu 3					Chỉ tiêu 4	Chỉ tiêu 5	Xếp loại DN
Doanh thu và thu nhập khác																				
KH	TH	Xếp loại	Lợi nhuận (triệu đồng)		Vốn CSH bình quân (triệu đồng)		Tỷ suất LN/vốn (%)		Xếp loại	Khả năng thanh toán nợ đến hạn			Nợ quá hạn (tr.đồng)	Xếp loại						
			KH	TH	KH	TH	KH	TH		TSNH (tr.đồng)	Nợ NH (tr.đồng)	TSNH/NH (lần)								
34.000.000.000	38.685.899.577	A	11.000.000.000	12.599.131.275	12.455.781.778	13.551.783.349	88%	93%	A	24.094.478.997	10.323.352.478	2,334		A	A	A	A			

Người lập biểu

[Signature]

Giám đốc



Phạm Đình Quang

UBND TỈNH LÂM ĐỒNG
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP DI LINH

Biểu 05.B

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA VIÊN CHỨC QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP NĂM 2015

(Ban hành kèm theo Thông tư số 158/2013/TT-BTC ngày 13/11/2013 của Bộ Tài chính)

TT	Tên doanh nghiệp	Tỷ suất Lợi nhuận/Vốn CSH			Kết quả xếp loại Doanh nghiệp	Tình hình chấp hành tiêu chí đánh giá kết quả hoạt động của VCQL	Xếp loại hoạt động VCQL Doanh nghiệp	
		Kế hoạch	Thực hiện	% Thực hiện/Kế hoạch				
1		2	3	4	5	6	7	8
1	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Di Linh	0,883	0,930	105%	A	Thực hiện tốt	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	

Người lập biểu



Giám đốc



Phạm Đình Quang

UBND TỈNH LÂM ĐỒNG
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP DI LINH

Biểu số 06.B

CÔNG KHAI KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP 2015

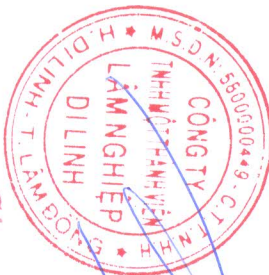
(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2013/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

ĐVT: triệu đồng

			Tổng tài sản								Tổng nguồn vốn							
TT	Tên doanh nghiệp	Lĩnh vực kinh doanh	Trong đó:								Nợ phải trả				Vốn chủ sở hữu		Tỷ lệ sở hữu của nhà nước	
			Tổng số (Mã 270 CĐKT)	Tài sản ngắn hạn (Mã 100 CĐKT)	Hàng tồn kho (Mã 140 CĐKT)	Đầu tư tài chính dài hạn (Mã 250 CĐKT)	Tài sản dài hạn (Mã 200 CĐKT)	Nợ phải thu (Mã 130+ Mã 210 CĐKT)	Nợ phải thu khó đòi	Tổng số (Mã 300 CĐKT)	Nợ phải trả ngắn hạn (Mã 310 CĐKT)	Nợ phải trả dài hạn (Mã 330 CĐKT)	Nợ vay (vay ngắn hạn và dài hạn (Mã 320+338 CĐKT)	Năm trước	Năm báo cáo	Năm trước	Năm báo cáo	
i	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	
1	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Di Linh	- Khai thác, chế biến lâm sản - Quản lý bảo vệ rừng	73.251	24.094	3.133	-	49.156	4.493	-	11.496	10.323	1.173	-	40.209	43.081	36.327	38.103	
	Tổng cộng		73.251	24.094	3.133	-	49.156	4.493	-	11.496	10.323	1.173	-	40.209	43.081	36.327	38.103	

Ngày ... tháng ... năm ...

Cơ quan đại diện chủ sở hữu



GIÁM ĐỐC

Phạm Đình Quang

UBND TỈNH LÂM ĐỒNG
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP DI LINH

Biểu số 06.C

CÔNG KHAI KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP 2015

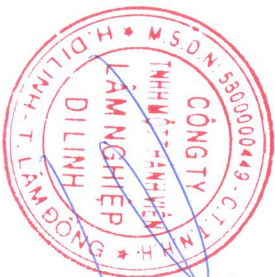
(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2013/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

ĐVT: triệu đồng

TT	Tên doanh nghiệp	Doanh thu (Mã 10+21+31 KQHĐKD)		Lợi nhuận trước thuế (Mã 50 KQHĐKD)				Lỗ			Phải nộp NSNN (Mã 313 CBDKT)		Đã nộp NSNN		Đầu tư ngoài ngành		
		Năm trước	Năm báo cáo	Năm trước	Năm báo cáo	Lỗ phát sinh	Lỗ lấy kế	Năm trước	Năm báo cáo	Năm trước	Năm báo cáo	Năm trước	Năm báo cáo	Lĩnh vực	Tổng giá trị khoản đầu tư	Năm trước	Năm báo cáo
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	
1	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Di Linh	36.317	38.686	11.018	12.599	-	-	-	-	-	1.056	6.898	3.138	-	-	-	-
	Tổng cộng	36.317	38.686	11.018	12.599	-	-	-	-	-	1.056	6.898	3.138	-	-	-	-

Ngày ... tháng ... năm ...

Cơ quan đại diện chủ sở hữu



GIÁM ĐỐC

Phạm Đình Quang